

Sở GD&ĐT Thành phố Đà Nẵng
Trường THPT Đỗ Đăng Tuyển
Giáo viên soạn: Lâm Thị Hương
Ngày soạn: 22/9/2025
Lớp dạy: 10/1, 10/3, 10/7
Thời gian thực hiện: Tuần 4

CHỦ ĐỀ 2: MẠNG MÁY TÍNH VÀ INTERNET

BÀI 8: MẠNG MÁY TÍNH TRONG CUỘC SỐNG HIỆN ĐẠI

Môn học: Tin học lớp 10

Thời gian thực hiện: 2 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Hiểu được sự khác biệt giữa mạng Lan và Internet.
- Trình bày được những thay đổi về chất lượng cuộc sống, phương thức học tập và làm việc trong xã hội khi mạng máy tính được sử dụng rộng rãi.
- Nêu được một số công nghệ dựa trên Internet như dịch vụ điện toán đám mây hay kết nối vạn vật (IoT).

2. Về năng lực

2.1 Năng lực chung

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực chung của học sinh như sau:

- Năng lực tự học: Học sinh có khả năng tự đọc sách giáo khoa và kết hợp với gợi ý của giáo viên để trả lời câu hỏi về sự khác biệt giữa mạng Lan và Internet, vai trò của Internet, công nghệ dựa trên Internet như dịch vụ điện toán đám mây hay kết nối vạn vật (IoT). Nâng cao khả năng tự học và ý thức học tập để trở thành người công dân có tri thức trong thời đại công nghệ số.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Học sinh thảo luận nhóm để đưa ra những lợi ích của Internet, của IoT có thể đem lại trong cuộc sống hiện đại.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Học sinh có thể đưa ra những cách giải quyết hợp lý để ứng dụng internet, dịch vụ điện toán đám mây, IoT vào cuộc sống.

2.2 Năng lực tin học

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực Tin học của học sinh như sau:

- **Năng lực A (NLa):** Phát triển năng lực sử dụng và quản lý các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông.
- **Năng lực B (NLb):** Năng lực ứng xử phù hợp trong môi trường số.

- **Năng lực C (NLc):** Phát triển năng lực nhận biết và hình thành nhu cầu tìm kiếm thông tin từ nguồn dữ liệu số khi giải quyết công việc.
- **Năng lực D (NLd):** Năng lực ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong học và tự học.
- **Năng lực E (NLe):** Năng lực hợp tác trong môi trường số.

3. Về phẩm chất

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố phẩm chất của học sinh như sau:

- Nhân ái: Thể hiện sự cảm thông và sẵn sàng giúp đỡ bạn trong quá trình thảo luận nhóm.
- Chăm chỉ: Thực hiện đầy đủ các hoạt động học tập một cách tự giác, tích cực.
- Trung thực: Thật thà, thẳng thắn trong báo cáo kết quả hoạt động cá nhân và theo nhóm, trong đánh giá và tự đánh giá.
- Trách nhiệm: Hoàn thành đầy đủ, có chất lượng các nhiệm vụ học tập

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với GV:

- Phấn, bảng, máy tính, máy chiếu, phiếu học tập, ...
- SGK, SBT, tài liệu tham khảo.

2. Đối với HS:

- SGK, bảng nhóm, bút lông, bút dạ, phấn.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

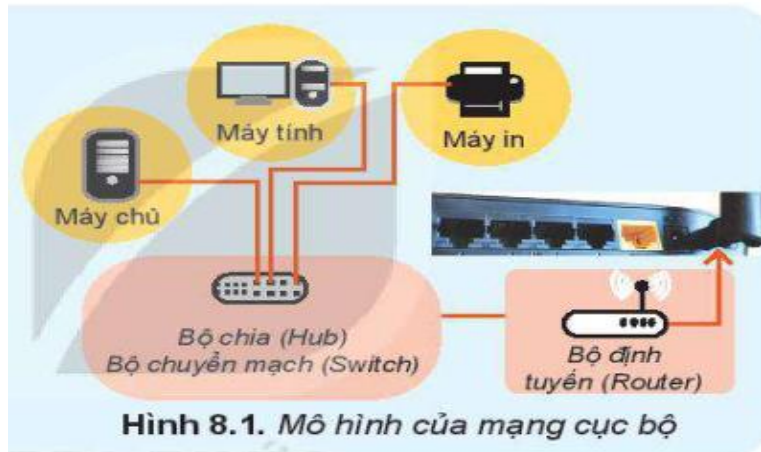
A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU (10 phút)

a. Mục tiêu:

- Biết được mô hình mạng cục bộ. Khởi gợi sự tò mò cho HS về việc tại sao phải phân biệt cổng LAN và cổng INTERNET.

b. Nội dung:

- HS xem hình 8.1 trong phần Khởi động Sách giáo khoa (trang 38) và trả lời câu hỏi: “Bộ định tuyến có một số cổng để cắm cáp mạng, có phân biệt các cổng LAN và cổng INTERNET. Tại sao lại vậy?”



c. Sản phẩm: Câu trả lời dựa vào hiểu biết của bản thân HS

Phải phân biệt như vậy vì mạng LAN bao phủ một khu vực hạn chế nhỏ và các thiết bị Switch hay HUB chỉ chuyển tiếp dữ liệu trong nội bộ mạng LAN. Trong khi cổng INTERNET kết nối nhiều mạng LAN và khi phát hiện dữ liệu gửi cho thiết bị không có trong LAN thì nó sẽ được gửi qua cổng INTERNET. Internet bao phủ một khu vực rộng lớn trên một thành phố, quốc gia hoặc thậm chí một lục địa.

d. Tổ chức hoạt động

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập

- Yêu cầu HS hoạt động nhóm (mỗi nhóm 6 bạn) thảo luận thống nhất kết quả trên giấy A4 và đại diện nhóm trả lời, hoàn thành câu hỏi sau: “Bộ định tuyến có một số cổng để cắm cáp mạng, có phân biệt các cổng LAN và cổng INTERNET. Tại sao lại vậy?”

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

- Các nhóm thảo luận bài tập trong phiếu học tập và trả lời câu hỏi theo yêu cầu của giáo viên.
- Hướng dẫn, hỗ trợ: Quan sát các nhóm hoạt động, hỗ trợ các cá nhân hoặc nhóm gặp khó khăn.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

- GV yêu cầu đại diện nhóm hoàn thành nhanh nhất lên bảng trình bày và trả lời các câu hỏi phản biện.
- HS các nhóm quan sát, lắng nghe, nhận xét và nêu câu hỏi phản biện.

Bước 4. Kết luận, nhận định

- GV nhận xét đánh giá mức độ hoàn thành, thái độ học tập và kỹ năng hoạt động nhóm của HS. Từ đó hướng dẫn HS nghiên cứu, tìm hiểu nội dung cho hoạt động hình thành kiến thức mới.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (60 phút)

Hoạt động 1. Phân biệt Internet và mạng LAN (10 phút)

a. Mục tiêu

- Nêu được sự khác biệt giữa mạng Lan và Internet về phạm vi, quy mô, cách kết nối, sở hữu.

b. Nội dung

- HS đọc sách giáo khoa và trả lời câu hỏi ở phiếu học tập số 1

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Câu 1: Phạm vi sử dụng của Internet là:

- a) Chỉ trong gia đình.
- b) Chỉ trong một cơ quan.
- c) Toàn cầu.

Câu 2: Điện thoại thông minh được kết nối với Internet bằng cách nào?

- a) Qua dịch vụ 3G, 4G, 5G.
- b) Kết nối gián tiếp qua wifi
- c) Cả a và b

Câu 3: Để kết nối điện thoại, máy tính hay tivi với Internet, phải đăng kí qua một nhà cung cấp dịch vụ Internet như Viettel, FPT, VNPT,... Em có biết nhà cung cấp dịch vụ Internet nào không?

c. Sản phẩm: Câu trả lời dựa vào hiểu biết của bản thân HS

Câu 1: Phạm vi sử dụng của Internet là:

- c) Toàn cầu.

Câu 2: Điện thoại thông minh được kết nối với Internet bằng cách

- d) Qua dịch vụ 3G, 4G, 5G hoặc qua wifi

Câu 3: Em biết nhà cung cấp dịch vụ Internet: CMC Telecom, NetNam, Viettel, FPT, VNPT,...

d. Tổ chức hoạt động

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1. <i>Giao nhiệm vụ học tập</i> - Thảo luận nhóm và đại diện nhóm trả lời, hoàn thành câu hỏi sau: + Phân biệt mạng Lan và Internet + Hoàn thành phiếu học tập số 1 Câu 1: Phạm vi sử dụng của Internet là:	1. Mạng LAN và Internet: Theo phạm vi địa lí, mạng máy tính chia thành hai loại: – <i>Mạng cục bộ</i> (LAN – Local Area Network) có phạm vi địa lý nhỏ như gia đình, trường học hay công ty ... – <i>Mạng diện rộng</i> (WAN – Wide Area Network): liên kết giữa các

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM												
a) Chỉ trong gia đình. b) Chỉ trong một cơ quan. c) Toàn cầu Câu 2: Điện thoại thông minh được kết nối với Internet bằng cách nào? a) Qua dịch vụ 3G, 4G, 5G. b) Kết nối gián tiếp qua wifi c) Cả a và b Câu 3: Để kết nối điện thoại, máy tính hay ti vi với Internet, phải đăng kí qua một nhà cung cấp dịch vụ Internet như Viettel, FPT, VNPT,... Em có biết nhà cung cấp dịch vụ Internet nào không? Bước 2. <i>Thực hiện nhiệm vụ</i> - Các nhóm thảo luận, thống nhất kết quả luận ghi vào phiếu học tập 1, phân công thành viên nhóm chuẩn bị báo cáo kết quả khi hết thời gian quy định thảo luận nhóm. - Hướng dẫn, hỗ trợ: Quan sát các nhóm hoạt động, hỗ trợ các cá nhân hoặc nhóm gặp khó khăn. Có thể cho phép các em HS khá, giỏi hỗ trợ các bạn trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ nhanh hơn. Bước 3. <i>Báo cáo, thảo luận</i> - GV: Thông báo hết thời gian hoạt động nhóm. Gọi đại diện các nhóm lên báo cáo kết quả hoạt động. - HS cả lớp quan sát, lắng nghe, nhận xét. Bước 4. <i>Kết luận, nhận định</i> - GV nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ và đánh giá mức độ hoàn thành của HS.	mạng Lan hay các máy tính đơn lẻ. <i>Internet</i>: là mạng diện rộng có quy mô toàn cầu. => Phân biệt mạng LAN và Intenet: <table><tr><th></th><th>Mạng cục bộ</th><th>Internet</th></tr><tr><td>Phạm vi, quy mô</td><td>Cơ quan, gia đình.</td><td>Toàn cầu.</td></tr><tr><td>Cách kết nối</td><td>Trực tiếp trong mạng qua thiết bị kết nối như Hub, Switch, Wifi.</td><td>Kết nối qua các Router thông qua các nhà cung cấp dịch vụ kết nối.</td></tr><tr><td>Sở hữu</td><td>Có chủ sở hữu.</td><td>Không có chủ sở hữu.</td></tr></table> Câu trả lời phiếu học tập số 1: Câu 1: Phạm vi sử dụng của Internet là: c) Toàn cầu. Câu 2: Điện thoại thông minh được kết nối với Internet bằng cách a) Qua dịch vụ 3G, 4G, 5G hoặc qua wifi Câu 3: Em biết nhà cung cấp dịch vụ Internet: CMC Telecom, NetNam, Viettel, FPT, VNPT,...		Mạng cục bộ	Internet	Phạm vi, quy mô	Cơ quan, gia đình.	Toàn cầu.	Cách kết nối	Trực tiếp trong mạng qua thiết bị kết nối như Hub, Switch, Wifi.	Kết nối qua các Router thông qua các nhà cung cấp dịch vụ kết nối.	Sở hữu	Có chủ sở hữu.	Không có chủ sở hữu.
	Mạng cục bộ	Internet											
Phạm vi, quy mô	Cơ quan, gia đình.	Toàn cầu.											
Cách kết nối	Trực tiếp trong mạng qua thiết bị kết nối như Hub, Switch, Wifi.	Kết nối qua các Router thông qua các nhà cung cấp dịch vụ kết nối.											
Sở hữu	Có chủ sở hữu.	Không có chủ sở hữu.											

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
- GV: Nhận xét, đánh giá chung cho kết quả hoạt động của các nhóm về việc phân biệt Internet và mạng Lan. <i>GV: Chốt kiến thức ghi bảng.</i> - HS: Lắng nghe, theo dõi, ghi bài vào vở.	

Hoạt động 2. Vai trò của Internet? (10 phút)

a. Mục tiêu

- Trình bày được những thay đổi về chất lượng cuộc sống, phương thức học tập và làm việc trong xã hội khi mạng máy tính được sử dụng rộng rãi.

b. Nội dung

- HS đọc sách giáo khoa và trả lời câu hỏi ở phiếu học tập số 2

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2
Câu 1: Em hãy nêu vai trò của Internet đối với con người?
Câu 2: Em hãy nêu một số ứng dụng của Internet đối với hoạt động giải trí.
Câu 3: Em hãy nêu một số ứng dụng của Internet đối với hoạt động bảo vệ sức khỏe.

c. Sản phẩm: *Câu trả lời dựa vào hiểu biết của bản thân HS*

Câu 1:

- Internet là một kho tri thức khổng lồ thường xuyên được cập nhật, có thể truy cập bất cứ ở đâu, bất cứ lúc nào.
- Internet giúp con người có thể kết nối và giao tiếp với nhau một cách dễ dàng và tiện lợi.
- Internet đã có ảnh hưởng sâu sắc tới mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, làm thay đổi cách thức làm việc, học tập và giao tiếp với nhau.

Câu 2:

- Nhờ có Internet, vô số cách giải trí: Chơi game, trò chuyện qua các diễn đàn, mạng xã hội, nghe nhạc, xem phim, ... Từ đó, giúp cho con người có thể thư giãn sau những ngày làm việc, học tập căng thẳng và mệt mỏi.

Câu 3:

- Bệnh nhân có thể sử dụng các ứng dụng và phần mềm để truy cập dữ liệu sức khỏe của chính mình
- Quản lý dữ liệu thời gian chăm sóc sức khỏe
- Giảm chi phí cho sức khỏe
- Giảm sai sót y khoa

d. Tổ chức hoạt động

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập - Thảo luận nhóm và đại diện nhóm trả lời, hoàn thành câu hỏi sau: + Câu 1: Em hãy nêu vai trò của Internet đối với con người? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ - Các nhóm thảo luận, thống nhất kết quả luận ghi vào phiếu học tập 2, phân công thành viên nhóm chuẩn bị báo cáo kết quả khi hết thời gian quy định thảo luận nhóm. - Hướng dẫn, hỗ trợ: Quan sát các nhóm hoạt động, hỗ trợ các cá nhân hoặc nhóm gặp khó khăn. Có thể cho phép các em HS khá, giỏi hỗ trợ các bạn trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ nhanh hơn. Bước 3. Báo cáo, thảo luận - GV: Thông báo hết thời gian hoạt động nhóm. Gọi đại diện các nhóm lên báo cáo kết quả hoạt động. - HS cả lớp quan sát, lắng nghe, nhận xét. Bước 4. Kết luận, nhận định - GV nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ và đánh giá mức độ hoàn thành của HS. - GV: Nhận xét, đánh giá chung cho kết quả hoạt động của các nhóm về	2. Vai trò của Internet Internet ngày càng được sử dụng rộng rãi trên toàn thế giới và có ảnh hưởng hầu hết các lĩnh vực hoạt động của con người. - Trong giao tiếp cộng đồng: Internet đã thay đổi cách thức mọi người tương tác với nhau. Có thể liên lạc, kết nối thông tin, chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm, đưa ra ý tưởng và nhận phản hồi ngay lập tức vào bất cứ lúc nào, ở bất cứ đâu mà không cần tiếp xúc trực tiếp. - Trong giáo dục: Internet đã giúp hoạt động giáo dục hiệu quả hơn. Internet là một nguồn thông tin khổng lồ về mọi lĩnh vực, có thể truy cập các bài giảng, các bách khoa toàn thư,... Sự xuất hiện các nền tảng học tập trực tuyến giúp con người có thể học từ xa mọi lúc mọi nơi,... ▪ Internet là một kho tri thức khổng lồ thường xuyên được cập nhật, có thể truy cập bất cứ ở đâu, bất cứ lúc nào. ▪ Internet giúp con người có thể kết nối và giao tiếp với nhau một cách dễ dàng và tiện lợi. ▪ Internet đã có ảnh hưởng sâu

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
vai trò của internet. <i>GV: Chốt kiến thức ghi bảng.</i> - HS: Lắng nghe, theo dõi, ghi bài vào vở.	sắc tới mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, làm thay đổi cách thức làm việc, học tập và giao tiếp với nhau.

Hoạt động 3. Điện toán đám mây (20 phút)

a. Mục tiêu

- Biết khái niệm điện toán đám mây.
- Các loại dịch vụ đám mây cơ bản.
- Lợi ích của dịch vụ đám mây

b. Nội dung

- HS đọc sách giáo khoa và trả lời câu hỏi ở phiếu học tập số 3

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

Câu 1:

Hãy đọc hai ví dụ sau và trả lời câu hỏi:

Ví dụ 1: bạn An có rất nhiều ảnh cần lưu nhưng ổ đĩa cứng sắp hết chỗ. Thay vì mua thêm một ổ đĩa cứng mới, An đã đăng kí dịch vụ lưu trữ trên Internet như Dropbox, fShare. Khi cần, An chỉ cần kết nối Internet, đăng nhập và sử dụng giống như một ổ đĩa cá nhân. Nếu dùng ít thì không phải trả tiền, dùng nhiều tới một mức nào đó thì phải trả theo mức sử dụng.

Ví dụ 2: Công việc của cô Bình phải làm tài liệu rất nhiều và phải di chuyển thường xuyên. Thay vì mua phần mềm soạn thảo Word cài đặt trên máy tính ở nhà, cô đăng kí sử dụng phần mềm Google Docs chạy trên máy chủ của Google. Cô có thể soạn thảo bất cứ lúc nào, bất cứ ở đâu, dùng bất cứ máy tính nào miễn là có kết nối đến máy chủ Google Docs qua Internet. Văn bản cũng lưu trên máy chủ của Google.

1. Bạn An, cô Bình đã thuê loại tài nguyên nào?
 A. Phần cứng B. Phần mềm C. Dữ liệu
2. So với việc tự mua thì việc thuê bao dịch vụ qua Internet có những lợi ích gì?

Câu 2: Nêu các loại dịch vụ đám mây cơ bản

Câu 3: Nêu lợi ích của dịch vụ đám mây

c. Sản phẩm

Câu trả lời dựa vào hiểu biết của bản thân HS

Câu 1: 1. An thuê tài nguyên phần cứng, cô Bình thuê tài nguyên phần mềm

2. So với việc tự mua thì việc thuê bao dịch vụ qua Internet có những lợi ích:

- Người dùng không bị lệ thuộc vào phương tiện cá nhân, thời gian và địa điểm làm việc, miễn là có Internet.
- Các nhà cung cấp dịch vụ đám mây thường đầu tư chuyên nghiệp. Phần mềm được kiểm định nhờ số lượng người dùng lớn. Hạ tầng có công suất dự phòng lớn, ổn định và an toàn.
- Chi phí nói chung rẻ hơn so với tự mua sắm phần cứng và phần mềm.

Câu 2: Các loại dịch vụ đám mây cơ bản

Câu 3: Lợi ích của dịch vụ đám mây

d. Tổ chức hoạt động

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1. <i>Giao nhiệm vụ học tập</i> - Thảo luận nhóm và đại diện nhóm trả lời, hoàn thành câu hỏi ở phiếu học tập số 3 Bước 2. <i>Thực hiện nhiệm vụ</i> - Các nhóm thảo luận, thống nhất kết quả luận ghi vào phiếu học tập 3, phân công thành viên nhóm chuẩn bị báo cáo kết quả khi hết thời gian quy định thảo luận nhóm. - Hướng dẫn, hỗ trợ: Quan sát các nhóm hoạt động, hỗ trợ các cá nhân hoặc nhóm gặp khó khăn. Có thể cho phép các em HS khá, giỏi hỗ trợ các	3. Điện toán đám mây a. Khái niệm về điện toán đám mây Việc chia sẻ các tài nguyên mạng theo nhu cầu qua Internet miễn phí hoặc trả phí theo hạn mức sử dụng được gọi là dịch vụ điện toán đám mây. Google Docs, Dropbox,...là những ví dụ điển hình của dịch vụ đám mây b. Các loại dịch vụ đám mây cơ bản Dịch vụ đám mây chủ yếu liên quan tới việc cho thuê các tài nguyên phần cứng và phần mềm - <i>Phần mềm ứng dụng</i>: dùng trong các hoạt động nghiệp vụ thông thường

bạn trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ nhanh hơn. Bước 3. <i>Báo cáo, thảo luận</i> - GV: Thông báo hết thời gian hoạt động nhóm. Gọi đại diện các nhóm lên báo cáo kết quả hoạt động. - HS cả lớp quan sát, lắng nghe, nhận xét. Bước 4. <i>Kết luận, nhận định</i> - GV nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ và đánh giá mức độ hoàn thành của HS. - GV: Nhận xét, đánh giá chung cho kết quả hoạt động của các nhóm về khái niệm điện toán đám mây, các dịch vụ điện toán đám mây, lợi ích của điện toán đám mây. <i>GV: Chốt kiến thức ghi bảng.</i> - HS: Lắng nghe, theo dõi, ghi bài vào vở.	(như Google Docs, Zoom,...) - <i>Phần mềm nền tảng (platform)</i>: là công cụ làm ra các sản phẩm khác. Các dịch vụ chủ yếu của điện toán đám mây là: SaaS IaaS, PaaS: + Việc cho thuê phần mềm ứng dụng được viết tắt là SaaS (Software as a Service - phần mềm như là dịch vụ) + Việc cho thuê nền tảng được viết tắt là PaaS (Platform as a Service – nền tảng như là dịch vụ) + Việc cho thuê hạ tầng được viết tắt là IaaS (Infrastructure as a Service - hạ tầng như là dịch vụ) c. Lợi ích của dịch vụ đám mây - Tính mềm dẻo và độ sẵn sàng cao - Chất lượng cao - Kinh tế hơn
---	--

Hoạt động 4. Kết nối vạn vật (20 phút)

a. Mục tiêu

- Biết được thế nào là kết nối vạn vật.
- Lợi ích của kết nối vạn vật

b. Nội dung

- HS đọc sách giáo khoa và trả lời câu hỏi ở phiếu học tập số 4

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4

Câu 1: Công tơ điện làm việc như thế nào?

Trước đây, hằng tháng các nhân viên điện lực phải đi đọc các công tơ điện, rồi ghi lại, nhập vào máy tính để lập hoá đơn và thống kê tình hình sử dụng điện. Hiện nay, công tơ truyền thống đang được thay thế bằng công tơ điện tử. Công tơ điện tử được gắn vi xử lý để đọc các chỉ số điện và đều đặn gửi về đầu mỗi, từ đó chuyển về trung tâm dữ liệu qua Internet. Công tơ điện tử chính là một thiết bị thông minh.

Hãy thảo luận, lợi ích của việc dùng công tơ điện tử.



Hình 8.3. Một công tơ điện tử

Câu 2: Nêu khái niệm IoT

Câu 3: Nêu lợi ích của IoT

c. Sản phẩm

Câu trả lời dựa vào hiểu biết của bản thân HS

Câu 1: Công tơ điện tử có độ chính xác cao hơn, công suất tiêu thụ của công tơ thấp dẫn đến tiết kiệm điện năng, tích hợp các công nghệ truyền thông hỗ trợ việc đọc chỉ số công tơ tự động từ xa.

Việc thực hiện đo xa giúp giảm nguy cơ tai nạn lao động trong khi ghi chỉ số và quản lý công tơ được tốt hơn.

Câu 2: Khái niệm IoT

Câu 3: Lợi ích của IoT

d. Tổ chức hoạt động

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1. <i>Giao nhiệm vụ học tập</i> - Thảo luận nhóm và đại diện nhóm trả lời, hoàn thành câu hỏi ở phiếu học tập số 4 Bước 2. <i>Thực hiện nhiệm vụ</i> - Các nhóm thảo luận, thống nhất kết quả luận ghi vào phiếu học tập 4, phân công thành viên nhóm chuẩn bị báo cáo kết quả khi hết thời gian quy định thảo luận nhóm.	4. Kết nối vạn vật a. Khái niệm về kết nối vạn vật (Internet of Thing, viết tắt là IoT) IoT là hệ thống liên mạng bao gồm các phương tiện và dịch vụ, các thiết bị thông minh được cài đặt các cảm biến, phần mềm chuyên dụng chúng có thể tự động kết nối, thu thập và trao đổi dữ liệu qua mạng mà không nhất thiết có sự tương tác trực tiếp

- Hướng dẫn, hỗ trợ: Quan sát các nhóm hoạt động, hỗ trợ các cá nhân hoặc nhóm gặp khó khăn. Có thể cho phép các em HS khá, giỏi hỗ trợ các bạn trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ nhanh hơn. Bước 3. <i>Báo cáo, thảo luận</i> - GV: Thông báo hết thời gian hoạt động nhóm. Gọi đại diện các nhóm lên báo cáo kết quả hoạt động. - HS cả lớp quan sát, lắng nghe, nhận xét. Bước 4. <i>Kết luận, nhận định</i> - GV nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ và đánh giá mức độ hoàn thành của HS. - GV: Nhận xét, đánh giá chung cho kết quả hoạt động của các nhóm về khái niệm IoT, lợi ích của IoT. <i>GV: Chốt kiến thức ghi bảng.</i> - HS: Lắng nghe, theo dõi, ghi bài vào vở.	giữa con người với con người, hay con người với máy tính. b. Lợi ích của IoT - Với khả năng thu thập dữ liệu tự động trên diện rộng, phát hiện và xử lý kịp thời các vụ việc phát sinh IoT mang lại nhiều lợi ích trong các hoạt động nghiệp vụ và đem lại nhiều tiện nghi cho cuộc sống. Vì vậy, IoT được xem là một nội dung chủ chốt của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.
---	--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (10 phút)

a. Mục tiêu:

- Giúp học sinh ôn tập lại các khái niệm, biết được những lợi ích của IoT.

b. Nội dung

- Hoàn thành phiếu học tập số 5

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 5 Câu 1: Phân tích lợi ích của giải pháp thu phí không dừng trên đường cao tốc Câu 2: Các mạng xã hội như facebook, youtube cho mọi người sử dụng miễn phí, nhưng nếu ai sử dụng để bán hàng hay quảng cáo thì phải trả tiền. Đây có phải là dịch vụ đám mây không?
--

c. Sản phẩm

Câu trả lời dựa vào hiểu biết của bản thân HS

Câu 1: Lợi ích của giải pháp thu phí không dừng trên đường cao tốc

+ Các xe ô tô phải dán thẻ định danh giao tiếp qua sóng radio (Radio Frequency Identification, RFID) ở kính lái. Khi vào hay ra khỏi cao tốc, thiết bị đọc thẻ RFID sẽ thu thông tin trên thẻ rồi truyền về hệ thống kiểm soát, Nếu tài khoản còn đủ tiền thì hệ thống trừ phí và truyền lệnh về trạm thu phí mở thanh chắn

+ Thu phí không dừng giúp các nhà đầu tư, cơ quan quản lý nhà nước dễ dàng giám sát, quản lý và lưu vết từng giao dịch của phương tiện đồng thời đảm bảo lưu thông không dừng của phương tiện qua trạm thu phí với tỉ lệ chính xác cao, giảm tắc nghẽn giao thông.

Câu 2: Các mạng xã hội như facebook, youtube cho mọi người sử dụng miễn phí, nhưng nếu ai sử dụng để bán hàng hay quảng cáo thì phải trả tiền. Đây là dịch vụ đám mây, Facebook, Youtube sử dụng triết đề nền tảng điện toán đám mây, như nhận dạng ảnh bạn tag hay cho phép bạn lưu trữ không giới hạn status.

d. Tổ chức hoạt động:

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập

- Yêu cầu HS hoạt động nhóm (mỗi nhóm 6 bạn) thảo luận thống nhất kết quả trên giấy A4 và đại diện nhóm trả lời, hoàn thành các câu hỏi trong phiếu học tập số 3.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

- Các nhóm thảo luận bài tập trong phiếu học tập và trả lời câu hỏi theo yêu cầu của giáo viên.

- Hướng dẫn, hỗ trợ: Quan sát các nhóm hoạt động, hỗ trợ các cá nhân hoặc nhóm gặp khó khăn.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

- GV yêu cầu đại diện nhóm hoàn thành nhanh nhất lên bảng trình bày và trả lời các câu hỏi phản biện.

- HS các nhóm quan sát, lắng nghe, nhận xét và nêu câu hỏi phản biện.

Bước 4. Kết luận, nhận định

- GV nhận xét đánh giá mức độ hoàn thành, thái độ học tập và kỹ năng hoạt động nhóm của HS.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG (10 phút)

a. Mục tiêu

- Vận dụng các kiến thức đã học để giải bài tập có nội dung gắn với thực tiễn.

b. Nội dung

- Hoàn thành phiếu học tập số 6

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 6

Câu 1: Tìm qua Internet một ứng dụng điện toán đám mây của một doanh nghiệp Việt Nam.

Câu 2: Bộ giám sát hành trình trên xe tải hoặc xe khách hiện nay, cứ 30 giây một lần lại gửi dữ liệu tốc độ, tọa độ cùng thời điểm lấy tọa độ của xe về máy chủ giám sát. Với dữ liệu đó, có thể biết được những vi phạm giao thông nào của lái xe?

c. Sản phẩm

Câu trả lời dựa vào hiểu biết của bản thân HS

Câu 1: CMC Cloud là nhà cung cấp dịch vụ tích hợp đa dịch vụ CNTT trên nền tảng điện toán đám mây từ kênh truyền internet, Thoại, Giải Pháp tổng đài, Cloud Camera, CDN, ... nên có khả năng cung cấp dịch vụ đa dạng.

Câu 2: Vi phạm giao thông có thể biết: lái xe vượt quá tốc độ, đi vào làn đường cấm,...

d. Tổ chức hoạt động

Bước 1. *Giao nhiệm vụ học tập*

- Hoàn thành các bài tập sau:

Bước 2. *Thực hiện nhiệm vụ*

- Các nhóm thảo luận bài tập trong phiếu học tập và trả lời câu hỏi theo yêu cầu của giáo viên.
- Hướng dẫn, hỗ trợ: Quan sát các nhóm hoạt động, hỗ trợ các cá nhân hoặc nhóm gặp khó khăn.

Bước 3. *Báo cáo, thảo luận*

- GV yêu cầu đại diện nhóm hoàn thành nhanh nhất lên bảng trình bày và trả lời các câu hỏi phản biện.
- HS các nhóm quan sát, lắng nghe, nhận xét và nêu câu hỏi phản biện.

Bước 4. *Kết luận, nhận định*

- GV nhận xét đánh giá mức độ hoàn thành, thái độ học tập và kỹ năng hoạt động nhóm của HS.